TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày: 19-3-2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường

2. Ông Trần Đại Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 238/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐST - DS ngày 01 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Hồng T (có mặt)

Trú tại: khu vực P, phường T, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

- *Bị đơn:* 1/ Bà Võ Thị L (vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Thanh H (vắng mặt)

Trú tại: ấp P, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 11/11/2020 và các lời khai của nguyên đơn trình bày: Do bị đơn cần tiền nên kêu chơi hụi như sau: Vào tháng 12 năm 2019 âm lịch, không nhớ ngày nào, bà T đưa cho bị đơn 108.000.000 đồng, không làm biên nhận. Thỏa thuận bị đơn trả cho bà Thứ 01 ngày 1.200.000 đồng

(tức đóng 60 phần hụi, mỗi phần 20.000 đồng) trả đến ngày thứ 100 là trả 120.000.000 đồng. Như vậy, là 100 ngày sau bà T sẽ có tiền lãi là 12.000.000 đồng. Bị đơn đã góp được đến ngày 65 (nhằm ngày 30/4/2020 âm lịch) được số tiền là 78.000.000 đồng thì ngưng đến nay. Bị đơn còn thiếu 42.000.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả 33.000.000 đồng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi là 33.000.000 đồng, nhưng đối chiếu với Điều 471 của Bộ luật dân sự thì hình thức giao dịch theo như lời khai của nguyên đơn không phải là giao dịch về hụi, mà phải xác định thỏa thuận hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Nguyên đơn cho rằng thỏa thuận nhận tiền 108.000.000 đồng, và khi bị đơn đóng tiền hàng ngày cho nguyên đơn 1.200.000 đồng đến ngày thứ 65 được 78.000.000 đồng thì các bên không làm biên nhận. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ thể hiện. Mặc dù bị đơn vắng mặt tại Tòa án, nhưng tại biên bản hòa giải ở ấp P, xã Đ ngày 11/7/2020 bị đơn ông H trình bày *"Tôi có thừa nhận với số tiền tôi đã nợ đó. Do làm ăn thua lỗ vợ chồng tôi có năn nỉ trả từ từ cho chị Hồng T mỗi tháng là 500.000đ"*. Tại biên bản hòa giải bà Hồng T đòi trả mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Sau đó Tổ hòa giải kết luận *"bị đơn có thừa nhận là có nợ của chị Phan Thị Hồng T là 42.000.000đ..."*. Lời khai tại biên bản hòa giải ngày 11/7/2020 của các đương sự là phù hợp với yêu cầu trả nợ của nguyên đơn.

[4] Mặt khác, ngày 25/01/2021 Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tại phiên họp nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 42.000.000 đồng, sau đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo kết quả phiên họp cho bà Võ Thị L, nhưng bị đơn không có ý kiến gì với yêu cầu của nguyên đơn. Điều đó cho thấy, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp và số tiền mà bị đơn còn nợ.

[5] Đối với thỏa thuận về lãi suất của các đương sự, nguyên đơn đưa ra số tiền 108.000.000 đồng, 03 tháng sau nguyên đơn thu lãi 12.000.000 đồng là cao so với quy định là lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, thấy rằng bị đơn trả tiền cho chị T đến ngày 30/4/2020 âm lịch (nhằm ngày 22/5/2020) thì ngưng không trả tiền đến nay. Chị T bỏ ra số tiền gốc 108.000.000 đồng, và nhận được 78.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng tiền gốc, và tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (19/3/2021) là 08 tháng 27 ngày tương đương số tiền 3.000.000 đồng cũng là có lợi cho bị đơn. Từ những nhận định trên nên chị T yêu cầu bị đơn trả 33.000.000 đồng tiền gốc và lãi là phù hợp.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu phần án phí có giá ngạch là 33.000.000 đồng x 5% = 1.650.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng T.

Buộc bà Võ Thị L và ông Nguyễn Thanh H phải trả cho bà Phan Thị Hồng T 33.000.000 đồng *(ba mươi ba triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị L và ông Nguyễn Thanh H phải chịu 1.650.000 đồng. Hoàn trả lại cho bà Phan Thị Hồng T 1.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai số 0007567 ngày 17/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Ngô Huỳnh

Nơi nhận:
- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.